

TỜ TRÌNH**Dự thảo Nghị quyết của Quốc hội
Quy định cơ chế, chính sách đặc biệt về công tác nhân tài****Kính gửi: Quốc hội**

Thực hiện Kết luận số 105-KL/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về thu hút và trọng dụng nhân tài trong các ngành, lĩnh vực mũi nhọn, phục vụ đất nước phát triển nhanh, bền vững; căn cứ Hiến pháp, Luật Tổ chức Quốc hội và Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Chính phủ kính trình Quốc hội dự thảo Nghị quyết quy định cơ chế, chính sách đặc biệt về công tác nhân tài (sau đây gọi là dự thảo Nghị quyết). Dự thảo tập trung tháo gỡ những rào cản của cơ chế hiện hành, chuyển từ thu hút theo tiêu chuẩn đầu vào sang giao nhiệm vụ, trao quyền và đánh giá theo sản phẩm, kết quả; đồng thời thiết lập các giới hạn về thẩm quyền, ngân sách, giám sát và trách nhiệm để kiểm soát việc áp dụng cơ chế đặc biệt.

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH NGHỊ QUYẾT**1. Cơ sở chính trị, pháp lý**

Kết luận số 105-KL/TW xác định nhân tài là nguồn lực chiến lược đặc biệt của quốc gia; yêu cầu lấy nhiệm vụ chiến lược, chương trình, dự án trọng điểm và bài toán lớn làm điểm hội tụ nhân tài, lấy trọng dụng thực chất làm khâu then chốt, lấy thể chế đột phá và hệ sinh thái mở làm nền tảng. Kết luận đặt ra yêu cầu đổi mới phương thức quản trị nhân tài, sử dụng sản phẩm, kết quả và giá trị cống hiến làm thước đo; bảo đảm liên thông giữa khu vực công và khu vực tư, trong nước và quốc tế; trao quyền tự chủ thực chất, bảo đảm nguồn lực, chấp nhận rủi ro có kiểm soát và bảo vệ người dám nghĩ, dám làm vì lợi ích chung.

Các luật hiện hành đã có chính sách thu hút, sử dụng và đãi ngộ nhân tài, chuyên gia, nhà khoa học và nhân lực chất lượng cao trong từng khu vực hoặc lĩnh vực. Luật Cán bộ, công chức số 80/2025/QH15 và Luật Viên chức số 129/2025/QH15 điều chỉnh tuyển dụng, sử dụng và chính sách trong khu vực công; Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo số 93/2025/QH15 có cơ chế đặc thù cho một số nhiệm vụ khoa học, công nghệ; Luật Công nghiệp công nghệ số số 71/2025/QH15 quy định ưu đãi đối với nhân tài công nghệ số. Các chính sách về thuế, ngân sách, đầu thầu, lao động, xuất nhập cảnh và doanh nghiệp cũng có quy định liên quan. Tuy nhiên, cơ chế còn phân tán, phạm vi đối tượng và nhiệm vụ chưa đồng bộ; chưa tạo được một cơ chế chung để huy động, lựa chọn,

giao nhiệm vụ và trao quyền cho nhân tài trên phạm vi liên ngành, giữa các khu vực và nguồn nhân lực trong, ngoài nước.

Khoản 2 Điều 10 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15, được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15, cho phép Quốc hội ban hành nghị quyết để thực hiện các chính sách mới khác với luật hiện hành. Đây là căn cứ để Quốc hội xem xét quy định một khuôn khổ đặc thù, có phạm vi và cơ chế giám sát rõ ràng, đồng thời đánh giá trước khi quyết định việc tiếp tục áp dụng hoặc luật hóa.

2. Cơ sở thực tiễn

Cạnh tranh quốc gia ngày càng phụ thuộc vào năng lực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, làm chủ công nghệ chiến lược và chất lượng quản trị. Các nhiệm vụ chiến lược thường mới, khó, có tính liên ngành và cần huy động nhanh chuyên gia phù hợp. Cơ chế tuyển dụng theo vị trí việc làm, điều kiện về ngạch, chức danh, biên chế, quy trình chi và chế độ đãi ngộ thông thường chưa tạo đủ linh hoạt để lựa chọn đúng người, giao đúng việc, tổ chức nhóm thực hiện nhanh và đánh giá theo giá trị tạo ra.

Thực tiễn cũng cho thấy chính sách thu hút ban đầu chưa đủ nếu thiếu quyền tự chủ, nguồn lực, cơ chế phối hợp và môi trường làm việc. Nhân tài trong doanh nghiệp, trường đại học, viện nghiên cứu, người Việt Nam ở nước ngoài và chuyên gia quốc tế cần có phương thức tham gia nhiệm vụ của Nhà nước mà không nhất thiết chuyển hẳn sang làm việc trong khu vực công. Vì vậy, cần tạo cơ chế để nhiệm vụ và sản phẩm là căn cứ kết nối người thực hiện, nguồn lực và trách nhiệm; đồng thời giới hạn ưu đãi vào nhiệm vụ cụ thể, kiểm soát xung đột lợi ích và bảo vệ bí mật, dữ liệu, quyền sở hữu trí tuệ.

II. MỤC ĐÍCH BAN HÀNH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

1. Mục đích ban hành

Nghị quyết nhằm thể chế hóa Kết luận số 105-KL/TW; xây dựng cơ chế đặc biệt để phát hiện, tiến cử, lựa chọn, thu hút, sử dụng và trọng dụng nhân tài thực hiện nhiệm vụ chiến lược, chương trình, dự án trọng điểm và giải quyết bài toán lớn của đất nước, ngành, lĩnh vực, địa phương. Cơ chế được áp dụng cho nhân tài là công dân Việt Nam, người Việt Nam định cư ở nước ngoài và người nước ngoài; mở rộng sự tham gia của cơ quan, tổ chức, đơn vị sự nghiệp công lập và doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế.

Nghị quyết hướng tới tháo gỡ các rào cản về tiêu chí đầu vào, biên chế, phương thức lựa chọn, quyền tự chủ chuyên môn và nhân sự, quy trình tài chính, đãi ngộ, thương mại hóa kết quả, thuế, thị thực và giấy phép lao động; lấy sản phẩm và kết quả làm căn cứ giao nhiệm vụ, thanh toán, đánh giá và tiếp tục sử dụng nhân tài. Các cơ chế mới phải đi cùng trách nhiệm giải trình, giám sát và xử lý nghiêm hành vi vi phạm.

2. Quan điểm xây dựng Nghị quyết

Bảo đảm sự lãnh đạo của Đảng, phù hợp Hiến pháp, thể chế hóa Kết luận số 105-KL/TW và quy định rõ phạm vi, đối tượng, điều kiện khi áp dụng khác luật hiện hành.

Lấy nhiệm vụ chiến lược, chương trình, dự án trọng điểm và bài toán lớn làm căn cứ lựa chọn, giao nhiệm vụ, trao quyền, bố trí nguồn lực và đánh giá nhân tài.

Nhận diện nhân tài dựa trên phẩm chất, năng lực, sản phẩm, thành tựu, tiềm năng và khả năng tạo ra giá trị; không mặc định bằng cấp, học hàm, học vị, chức danh, thâm niên hoặc danh hiệu là điều kiện chung.

Trao quyền chủ động tương xứng với trách nhiệm: quyết định chuyên môn và tổ chức thực hiện trong phạm vi nhiệm vụ, kinh phí, phương án đã phê duyệt; công khai mục tiêu, sản phẩm, tiến độ và nghĩa vụ giải trình.

Bảo đảm liên thông khu vực công - tư, trong nước - quốc tế; chính sách có trọng tâm, minh bạch, không trùng lặp ưu đãi, không tạo đặc quyền, đặc lợi.

Chấp nhận rủi ro khách quan trong nhiệm vụ mới, khó, sáng tạo khi đáp ứng điều kiện; không bao che tham nhũng, gian lận, vụ lợi, cố ý vi phạm hoặc trách nhiệm dân sự, hình sự theo pháp luật.

III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

Dự thảo được nghiên cứu xây dựng trên cơ sở Kết luận số 105-KL/TW và rà soát các quy định pháp luật về cán bộ, công chức, viên chức; khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; công nghiệp công nghệ số; đầu thầu và đầu tư; ngân sách nhà nước; thuế; lao động; doanh nghiệp; xuất nhập cảnh, cư trú và ban hành văn bản quy phạm pháp luật. Bảng đối chiếu dự thảo với pháp luật hiện hành được sử dụng để nhận diện những cơ chế đã có theo lĩnh vực, những nội dung dự thảo mở rộng sang nhiệm vụ chiến lược và những quy định cần được Quốc hội cho phép áp dụng khác luật.

Dự thảo gồm 16 Điều, tập trung quy định nguyên tắc, chính sách và thẩm quyền chủ yếu; giao Chính phủ quy định chi tiết tiêu chí và tổ chức thi hành. Hồ sơ cần tiếp tục được hoàn thiện theo trình tự, thủ tục của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, bao gồm thẩm định, tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến của các cơ quan, tổ chức có liên quan và cơ quan của Quốc hội.

IV. PHẠM VI ĐIỀU CHỈNH, ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG VÀ BỐ CỤC DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

Dự thảo quy định cơ chế, chính sách đặc biệt về thu hút, trọng dụng nhân tài để thực hiện nhiệm vụ chiến lược, chương trình, dự án trọng điểm và giải quyết bài toán lớn của đất nước, ngành, lĩnh vực, địa phương. Đối tượng áp dụng gồm nhân tài là công dân Việt Nam, người Việt Nam định cư ở nước ngoài và người

nước ngoài; cơ quan, tổ chức, đơn vị sự nghiệp công lập, doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế; tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

2. Bộ cục

Dự thảo gồm 16 điều: Điều 1 về phạm vi và đối tượng; Điều 2 về nguyên tắc áp dụng; Điều 3 về Khung tiêu chí quốc gia; Điều 4 về xác định nhiệm vụ chiến lược và nhu cầu nhân tài; Điều 5 về phát hiện, tiến cử; Điều 6 về lựa chọn, giao nhiệm vụ; Điều 7 về quyền của nhân tài; Điều 8 về kinh phí, khoán chi và quyết toán; Điều 9 về khai thác, phân chia lợi ích; Điều 10 về thuế thu nhập cá nhân; Điều 11 về thị thực, cư trú, giấy phép lao động; Điều 12 về bảo vệ nhân tài; Điều 13 về ưu đãi doanh nghiệp; Điều 14 về ngân sách; Điều 15 về tổ chức thực hiện; Điều 16 về hiệu lực và áp dụng pháp luật.

V. NỘI DUNG CƠ BẢN VÀ CÁC ĐIỂM ĐỘT PHÁ SO VỚI PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH

Điểm khác biệt của dự thảo không chỉ nằm ở mức ưu đãi, mà ở việc thiết kế một chuỗi cơ chế gắn nhiệm vụ với người thực hiện, quyền hạn, kinh phí và sản phẩm; áp dụng trong cả khu vực công - tư và nhiều ngành; mở rộng một số cơ chế hiện đang chỉ áp dụng trong phạm vi chuyên ngành. Các điểm đột phá chính như sau:

1. Chuyển từ điều kiện đầu vào sang lựa chọn theo năng lực và sản phẩm

Luật Cán bộ, công chức, Luật Viên chức và các luật chuyên ngành đã có chính sách thu hút một số nhóm chuyên gia, nhà khoa học, người có tài năng hoặc nhân lực chất lượng cao, thường gắn với điều kiện, vị trí hoặc lĩnh vực cụ thể. Điều 2 và Điều 3 dự thảo đặt ra Khung tiêu chí quốc gia mở, cho phép nhận diện qua thành tựu, năng lực giải quyết vấn đề, khả năng dẫn dắt nhiệm vụ hoặc tiềm năng được chứng minh bằng đánh giá năng lực, sản phẩm, giải pháp. Dự thảo khẳng định không bắt buộc có học hàm, học vị, chức danh, thâm niên hay danh hiệu nhân tài, trừ điều kiện hành nghề bắt buộc. Đây là chuyển dịch từ sàng lọc chủ yếu theo hồ sơ và danh vị sang lựa chọn theo yêu cầu nhiệm vụ, năng lực thực tế và khả năng tạo kết quả; đồng thời giao Chính phủ và các cấp quy định tiêu chí cụ thể theo ngành, lĩnh vực, địa phương.

2. Đặt nhiệm vụ chiến lược làm căn cứ huy động nhân tài và phân cấp xác định nhu cầu

Các cơ chế hiện hành về công chức, viên chức, khoa học và công nghệ được tổ chức trong từng khuôn khổ quản lý; chưa tạo một quy trình chung để công bố bài toán và chủ động tìm người thực hiện ở mọi khu vực. Điều 4 dự thảo Nghị quyết cho phép Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng, người đứng đầu cơ quan trung ương và Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành danh mục nhiệm vụ theo thẩm quyền, xác định trước mục tiêu, sản phẩm, kết quả, thời hạn, nguồn lực và nhu cầu nhân tài; danh mục được công bố, trừ nội dung cần bảo mật. Điều 5 dự thảo Nghị quyết mở rộng nguồn phát hiện, tiến cử và kết nối từ doanh nghiệp, trường, viện, tổ chức

xã hội và cá nhân. Đột phá ở đây là chuyển từ cơ quan tìm người cho vị trí sẵn có sang cơ quan công bố nhiệm vụ cần giải quyết và thu hút người có khả năng hoàn thành nhiệm vụ đó.

3. Cho phép phương thức lựa chọn linh hoạt, kể cả mời trực tiếp và đặt hàng

Pháp luật về công chức, viên chức quy định các phương thức tuyển dụng, tiếp nhận; pháp luật đấu thầu và các cơ chế khoa học, công nghệ quy định quy trình lựa chọn cho từng loại hoạt động. Điều 6 dự thảo Nghị quyết cho phép lựa chọn nhân tài bằng cạnh tranh, mời trực tiếp hoặc đặt hàng, giao nhiệm vụ; cho phép thực hiện bằng quyết định hoặc hợp đồng xác định sản phẩm, thời hạn, quyền tự chủ, đãi ngộ và trách nhiệm. Dự thảo đồng thời quy định không áp dụng pháp luật về đấu thầu, đầu tư đối với việc lựa chọn, giao nhiệm vụ cho nhân tài. Đây là ngoại lệ lớn nhằm rút ngắn thời gian huy động cá nhân có năng lực phù hợp với nhiệm vụ cấp thiết.

4. Trao quyền thực chất và mở khả năng làm việc đồng thời giữa nhiều tổ chức

Các quy định về công vụ chủ yếu gắn người làm việc với cơ quan, vị trí, nhiệm vụ và chế độ quản lý của khu vực công. Điều 7 dự thảo Nghị quyết cho phép nhân tài đồng thời thực hiện nhiệm vụ tại nhiều cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp; thỏa thuận chế độ làm việc phù hợp; quyết định phương pháp chuyên môn, lựa chọn cộng sự, tổ chức nhóm, ký hợp đồng và quyết định tiền lương, tiền thưởng của nhóm trong phạm vi nguồn lực được giao; điều chỉnh kinh phí giữa các nội dung chi; tiếp cận hạ tầng, thông tin, dữ liệu và bảo lưu ý kiến chuyên môn. Cán bộ, công chức, viên chức được chọn làm nhân tài có thể tạm thời thôi làm nhiệm vụ công vụ, viên chức trong thời gian thực hiện nhiệm vụ chiến lược nhưng thời gian đó vẫn được tính là công tác liên tục để hưởng chế độ, chính sách. Cơ chế này mở rộng đường luân chuyển tri thức và nhân lực, đồng thời vẫn bảo đảm quyền lợi của người được giao nhiệm vụ.

5. Chuyển trọng tâm quản lý kinh phí sang sản phẩm và kết quả

Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15 đặt ra nguyên tắc chi trong dự toán được giao và theo chế độ, tiêu chuẩn, định mức; pháp luật khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo đã có cơ chế khoán chi trong phạm vi nhiệm vụ chuyên ngành. Điều 8 dự thảo Nghị quyết mở cơ chế khoán chi đến sản phẩm cuối cùng hoặc khoán từng phần cho nhiệm vụ chiến lược; với phần khoán đến sản phẩm cuối cùng, thanh toán và quyết toán dựa trên nghiệm thu và nghĩa vụ theo hợp đồng, không yêu cầu chứng từ chi tiết từng khoản trong phạm vi khoán. Nhân tài chủ trì được điều chỉnh kinh phí giữa các nội dung được giao và quyết định mức chi theo yêu cầu thực tế; kinh phí tiết kiệm hợp pháp chi được thưởng hoặc tái đầu tư sau khi hoàn thành đầy đủ sản phẩm và nghĩa vụ. Đây là sự thay đổi từ kiểm soát chi tiết đầu vào sang kiểm soát mục tiêu, kết quả và hiệu quả, đồng thời vẫn giữ kiểm tra và xử lý nghiêm gian lận, chi sai mục đích, thất thoát, lãng phí.

6. Mở rộng đãi ngộ, ưu đãi thuế và khai thác kết quả ra ngoài một số ngành chuyên biệt

Các ưu đãi tại Luật Thuế thu nhập cá nhân số 109/2025/QH15, Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp số 67/2025/QH15, Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo và Luật Công nghiệp công nghệ số hiện tập trung vào nhóm thu nhập, lĩnh vực hoặc hoạt động đáp ứng điều kiện chuyên ngành. Điều 10 dự thảo Nghị quyết đề xuất miễn thuế thu nhập cá nhân trong 05 năm đối với tiền lương, tiền thưởng của nhân tài và cộng sự; Điều 13 dự thảo Nghị quyết cho phép doanh nghiệp sử dụng nhân tài, cộng sự thực hiện nhiệm vụ chiến lược tính thêm khoản bằng 50% chi phí tiền lương, tiền thưởng thực trả vào chi phí được trừ. Nhân tài tại doanh nghiệp thực hiện nhiệm vụ không sử dụng ngân sách nhà nước cũng được hưởng ưu đãi thuế theo dự thảo. Đây là bước mở rộng ưu đãi gắn với nhiệm vụ chiến lược, không giới hạn ở một ngành công nghệ cụ thể; việc thực hiện cần có cơ chế xác nhận nhiệm vụ, kiểm tra khoản chi thực trả và ngăn ngừa hưởng trùng ưu đãi.

Điều 9 dự thảo Nghị quyết không thiết lập một chế độ sở hữu trí tuệ tách rời pháp luật chuyên ngành mà cho phép khai thác, thương mại hóa kết quả trong phạm vi quyền được giao, áp dụng cơ chế phân chia lợi nhuận theo pháp luật về nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo, đồng thời giao tổ chức quản lý kết quả chủ động lựa chọn đối tác và phương án khai thác. Cách tiếp cận này gắn lợi ích với khả năng đưa kết quả vào sử dụng, nhưng vẫn bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của Nhà nước và loại trừ kết quả, dữ liệu, công nghệ bị hạn chế vì quốc phòng, an ninh, bí mật nhà nước.

7. Thiết lập cơ chế thu hút nhân tài nước ngoài gắn với di trú và làm việc đa tổ chức

Pháp luật về nhập cảnh hiện có các loại thị thực ưu đãi UD1, UD2 và thẻ tạm trú cho một số nhóm được luật quy định; pháp luật lao động miễn giấy phép lao động đối với một số trường hợp cụ thể, trong đó có nhân lực công nghệ số chất lượng cao. Điều 11 dự thảo Nghị quyết đề xuất “Thị thực Nhân tài Việt Nam”, thẻ tạm trú tương ứng, thị thực UD2 cho vợ, chồng, con dưới 18 tuổi; miễn giấy phép lao động trong phạm vi nhiệm vụ phù hợp và cho phép thực hiện nhiệm vụ tại nhiều cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp mà không phải xin cấp giấy phép cho từng nơi. Việc thay đổi nơi làm việc cũng không làm phát sinh yêu cầu cấp lại thị thực còn hiệu lực. Điểm mới là kết nối chính sách thị thực, cư trú và làm việc với tiêu chí nhân tài, mở rộng khả năng tham gia xuyên tổ chức và xuyên lĩnh vực; việc triển khai vẫn phải bảo đảm thẩm tra, an ninh, trật tự và quản lý cư trú.

8. Mở rộng cơ chế bảo vệ khi có rủi ro khách quan, gắn với điều kiện loại trừ rõ ràng

Pháp luật về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo đã ghi nhận cơ chế chấp nhận rủi ro trong nghiên cứu, thử nghiệm; pháp luật cán bộ, công chức và viên chức có các căn cứ xem xét trách nhiệm trong thi hành công vụ. Điều 12 dự

thảo Nghị quyết mở cơ chế xem xét miễn, loại trừ trách nhiệm và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho nhân tài, người tham gia nhiệm vụ và người tham mưu, thẩm định, quyết định lựa chọn, sử dụng nhân tài khi phát sinh rủi ro, thiệt hại hoặc sự kiện bất khả kháng. Đối với người tham mưu, thẩm định, quyết định, dự thảo quy định các điều kiện về đúng thẩm quyền, trung thực, không vụ lợi, đã áp dụng biện pháp kiểm soát và rủi ro khách quan; đồng thời loại trừ tham nhũng, gian lận, trục lợi, cố ý vi phạm, che giấu vi phạm và tiếp tục áp dụng trách nhiệm dân sự, hình sự theo pháp luật. So với cơ chế bảo vệ giới hạn trong một số lĩnh vực, dự thảo mở rộng phạm vi nhiệm vụ nhưng không thiết lập miễn trừ trách nhiệm vô điều kiện.

9. Xác lập định hướng ngân sách riêng và cơ chế áp dụng pháp luật đặc thù

Khác với cơ chế ngân sách hiện hành phân bổ theo dự toán và chương trình, Điều 14 dự thảo Nghị quyết xác định mức bố trí ngân sách cho công tác nhân tài đạt khoảng 0,1% GDP hằng năm trong tổng nguồn lực dành cho khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; Quốc hội quyết định giao Chính phủ mức ngân sách, Chính phủ và Thủ tướng phân bổ theo thẩm quyền; địa phương tự chủ ngân sách có thể quyết định mức cao hơn theo nhu cầu và khả năng cân đối. Đây là định hướng nguồn lực ở tầm quốc gia, tạo khả năng tài chính ổn định hơn cho nhiệm vụ nhân tài. Khoản chi cụ thể gắn với nhiệm vụ và sản phẩm, bảo đảm công khai, kiểm tra và không tính trùng.

Điều 16 dự thảo Nghị quyết đặt nguyên tắc ưu tiên áp dụng Nghị quyết khi có quy định khác nhau về cùng vấn đề với luật, nghị quyết khác của Quốc hội; đồng thời cho phép áp dụng cơ chế, chính sách ưu đãi hơn tại văn bản khác. Quy định này tạo căn cứ xử lý xung đột giữa cơ chế đặc thù và quy tắc chung, đồng thời duy trì quyền hưởng chính sách thuận lợi hơn; phạm vi áp dụng cần gắn chặt với đúng đối tượng, nhiệm vụ và chính sách được Nghị quyết quy định.

VI. DỰ KIẾN NGUỒN LỰC, ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM VÀ THỜI GIAN TRÌNH THÔNG QUA

1. Dự kiến nguồn lực

Điều 14 dự thảo Nghị quyết đặt mục tiêu bố trí ngân sách nhà nước cho công tác nhân tài đạt khoảng 0,1% GDP hằng năm trong tổng nguồn lực dành cho khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số. Nguồn lực thực hiện còn gồm nguồn của cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp, tài trợ, đóng góp và các nguồn hợp pháp khác. Nhu cầu chi gồm kinh phí thực hiện nhiệm vụ, tiền lương, tiền thưởng, hỗ trợ điều kiện làm việc, hạ tầng, dữ liệu, quản lý, kiểm tra và đánh giá.

2. Điều kiện bảo đảm thi hành và nội dung cần hoàn thiện

Sau khi Nghị quyết được thông qua, Chính phủ cần ban hành kế hoạch triển khai, phân công cơ quan chủ trì và phối hợp, hướng dẫn Khung tiêu chí quốc gia, phương thức xác định và công bố nhiệm vụ, quy trình tiến cử và lựa chọn, hợp

đồng giao nhiệm vụ, cơ chế tài chính, xác nhận điều kiện hưởng thuế, cấp thị thực và phối hợp quản lý.

3. Thời gian trình thông qua

Dự thảo Nghị quyết dự kiến trình Quốc hội khóa XVI xem xét, quyết định tại Kỳ họp thứ hai.

Trên đây là Tờ trình về dự thảo Nghị quyết của Quốc hội quy định cơ chế, chính sách đặc biệt về công tác nhân tài. Chính phủ kính trình Quốc hội xem xét, quyết định./.

Tài liệu gửi kèm theo:

1. Dự thảo Nghị quyết của Quốc hội quy định cơ chế, chính sách đặc biệt về công tác nhân tài.
2. Bảng đối chiếu dự thảo Nghị quyết với quy định của pháp luật hiện hành.
3. Kết luận số 105-KL/TW về thu hút và trọng dụng nhân tài trong các ngành, lĩnh vực mũi nhọn.

TM. CHÍNH PHỦ
THỦ TƯỚNG

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thủ tướng Chính phủ (để b/c);
- Các Phó Thủ tướng Chính phủ (để b/c);
- Các bộ, cơ quan ngang bộ có liên quan;
- Lưu: VT, ...